

## Bài báo nghiên cứu

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA  
PHẦN NGỮ DỤNG HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌCPhan Thanh Bảo Trân<sup>1\*</sup>, Phan Thạch Sơn Trúc<sup>2</sup>, Huỳnh Thanh Danh<sup>3</sup><sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<sup>2</sup>Trường THCS Phú Thứ, Cần Thơ, Việt Nam<sup>3</sup>Trường Đại học Tây Đô, Việt Nam\*Tác giả liên hệ: Phan Thanh Bảo Trân – Email: [baotrannh83@gmail.com](mailto:baotrannh83@gmail.com)

Ngày nhận bài: 22-3-2021; ngày nhận bài sửa: 06-4-2021; ngày duyệt đăng: 17-5-2021

## TÓM TẮT

Bài viết phân tích nội dung, cấu trúc, tính đáp ứng của chương trình, sách giáo khoa (SGK) hiện hành ở phần Ngữ dụng học với mục tiêu phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh. Sau khi mô tả tóm tắt thực trạng của chương trình và SGK phần Ngữ dụng học ở trường trung học hiện nay, bài viết đi sâu phân tích các nhược điểm của nó: Chương trình chưa cân đối giữa bậc trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT); bài tập nặng về tính phân tích, giải thích; ngữ liệu mang tính sách vở; SGK chưa tạo được sự đột phá về phương pháp dạy học; từ đó đề xuất một số điểm điều chỉnh, bổ sung, cải tiến. Những nhận xét, đánh giá trong bài viết còn nhằm gợi ý cho giáo viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp khi SGK được cải cách, phần Tiếng Việt tích hợp triệt để với phần Văn học, không tổ chức thành bài học riêng như hiện nay.

**Từ khóa:** chương trình; Ngữ dụng học; Ngữ dụng học trong trường trung học; sách giáo khoa

## 1. Giới thiệu

Theo Katie Wales (2011), Ngữ dụng học (Pragmatics), “trong nghĩa đơn giản nhất, vì vậy cũng là nghĩa rộng nhất của nó, có thể được định nghĩa như là sự nghiên cứu về cách sử dụng ngôn ngữ” (Wales, 2011, p.335). Ngữ dụng học “là khoa học về ngôn ngữ xét theo quan hệ với người dùng. Nó không phải là ngành nghiên cứu ngôn ngữ do nó và vì nó, không phải là ngành khoa học đóng vai trò “bà giáo về ngôn ngữ” mà là khoa học về ngôn ngữ được sử dụng bởi những người có thực, sống động, nhằm phục vụ cho mục đích của mình trong phạm vi của những giới hạn và những năng lực của mình” (Mey, 1993; dẫn theo Do, 2005, p.289).

Thuật ngữ “pragmatics” xuất hiện lần đầu trong tác phẩm của nhà kí hiệu học và hành vi luận người Mỹ - Charles Morris (1938) – với sự phân biệt ba bộ phận của kí hiệu học: kết học (syntactics), nghĩa học (semantics) và dụng học (pragmatics). Tuy được quan tâm từ khá

---

*Cite this article as:* Phan Thanh Bao Tran, Phan Thạch Sơn Trúc, & Huỳnh Thanh Danh (2021). Discussions about the pragmatics curriculum and textbook in high schools. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(5), 866-876.

sớm nhưng Ngữ dụng học chỉ thực sự phát triển mạnh từ thập kỉ 70 của thế kỉ XX. Ngữ dụng học, hiểu theo nghĩa hẹp, bàn về việc sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh (uses of language in context). “Ngữ dụng học nghiên cứu sự giao tiếp bằng ngôn ngữ, nghiên cứu cách dùng ngôn ngữ thực sự trong những ngữ cảnh chuyên biệt” (Nofsinger, 1990; dẫn theo Do, 2005, p.289). Quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh không phải chỉ là những quan hệ nhất thời, mang tính tình huống, mà chúng còn được ngữ pháp hóa hoặc đã được mã hóa trong cấu trúc ngôn ngữ, vì bất cứ nguyên tắc có tính hệ thống nào của việc sử dụng ngôn ngữ đều có tác động đến cấu trúc ngôn ngữ. Tuy nhiên, nếu cho rằng Ngữ dụng học chỉ quan tâm đến những yếu tố này thì chúng ta đã thu hẹp phạm vi của Ngữ dụng học, đã loại bỏ ra ngoài Ngữ dụng học những hiện tượng không được mã hóa như những hiện tượng do suy ý mà có, nhất là các quy tắc ngữ dụng có mặt khắp nơi, chi phối mọi hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (Do, 2005, p.285). Vì vậy, cần hiểu Ngữ dụng học với một nghĩa rộng hơn, tức là có thể hiểu Ngữ dụng học là “Ngôn ngữ học của giao tiếp”.

Ngữ dụng học đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và được chia thành các phân nhánh như sau: Ngữ dụng học xã hội (Societal pragmatics); Ngữ dụng học tri nhận (Cognitive pragmatics); Ngữ dụng học mô-đun (Modular pragmatics); Ngữ dụng học ngôn ngữ (Language pragmatics). Ngữ dụng học ngôn ngữ lại được chia thành Ngữ dụng học vi mô (Micro pragmatics), Ngữ dụng học vĩ mô (Macro pragmatics) và Siêu ngữ dụng học (Metapragmatics). Ngữ dụng học vi mô nghiên cứu cách dùng ngôn ngữ trong ngữ cảnh hẹp, lấy câu làm trung tâm và nghiên cứu những vấn đề như hành động ngôn từ, chiếu vật và chỉ xuất. Ngữ dụng học vĩ mô nhấn mạnh vào những hiện thực có trong sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt chú trọng vào sự tương tác giữa những người giao tiếp trong ngữ cảnh rộng. Siêu Ngữ dụng học thảo luận về những tiền đề lí thuyết về phương pháp nghiên cứu những quy tắc, những cơ chế cho Ngữ dụng học về những ngôn ngữ cụ thể (dẫn theo Do, 2005, p.291). Ngoài các phân nhánh vừa nói, Katie Wales (2011) còn nói đến hai phân nhánh Ngữ dụng học khác là Ngữ dụng học văn chương (Literary pragmatics), Ngữ dụng học lịch sử (Historical pragmatics) (Do, 2005, p.335-336).

Ngữ dụng học ngày nay là một phân ngành quan trọng của Ngôn ngữ học và có vai trò thiết yếu đối với giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường. Bên cạnh các nội dung về cấu trúc ngôn ngữ (Âm vị học, Từ vựng học, Cú pháp học), Ngữ dụng học là một phần nội dung không thể thiếu của giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường, có mục tiêu chung là phát triển các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp cho học sinh.

Trong xu thế chung của việc giáo dục ngôn ngữ trên thế giới, ngành giáo dục Việt Nam đã đưa phần Ngữ dụng học vào dạy học ở trường trung học từ những năm 90 thế kỉ XX, vào THCS từ năm đầu của thế kỉ XXI. Đây là sự đổi mới tất yếu và cần thiết. Ngữ dụng học được đưa vào dạy học trong trường phổ thông theo hai hướng:

(1) Tu sửa, chỉnh lí các nội dung của Ngôn ngữ học tiền dụng học theo cách nhìn mới của Ngữ dụng học.

(2) Tổ chức dạy học các nội dung trọng tâm của Ngữ dụng học (như nguyên tắc cộng tác, hội thoại, nghĩa tường minh và hàm ẩn, ngữ cảnh...) thành các bài học.

Cho dù theo hướng nào thì Ngữ dụng học ở trường phổ thông vẫn chỉ là Ngữ dụng học ngôn ngữ (Ngữ dụng học vi mô + Ngữ dụng vĩ mô). Còn Siêu ngữ dụng học và các phân nhánh Ngữ dụng học khác là lĩnh vực chỉ dành cho các học giả hoặc người học ở bậc học cao hơn.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ bàn đến các nội dung Ngữ dụng học được đưa vào chương trình Ngữ văn ở trường trung học của Việt Nam theo hướng thứ hai.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng của chương trình và SGK phần Ngữ dụng học ở trường trung học hiện nay

#### 2.1.1. Chương trình

##### a) Nội dung chương trình

Hiện nay, phần Ngữ dụng học được đưa vào chương trình và SGK Ngữ văn trung học. Các tác giả sách Ngữ văn THCS (Nguyễn Khắc Phi tổng chủ biên) định nghĩa như sau về Ngữ dụng học: “Bộ môn Ngôn ngữ học nghiên cứu phần nội dung của ngôn từ trong mối quan hệ với ngữ cảnh, với tình huống giao tiếp” (Literature 9, Vol.1 (Teacher Textbook), p.6). Đây là cách hiểu Ngữ dụng học theo nghĩa sát nhất với các nội dung nghiên cứu trên thực tế của Ngữ dụng học. Dựa theo định nghĩa này, phần Ngữ dụng học trong chương trình trung học bắt đầu được dạy từ học kì II lớp 8 cho đến học kì II của lớp 12 với 9 chủ điểm trên tổng số 16 tiết. Trọng tâm của chương trình Ngữ dụng học trung học tập trung ở lớp 9. Nội dung bài học trong chương trình phần Ngữ dụng học ở trường trung học được phân bố như sau:

**Bảng 1. Chương trình phần Ngữ dụng học bậc THCS**

Học kì/ Lớp	I	II
8		Hành động nói Hành động nói (tiếp theo) Hội thoại Hội thoại (tiếp theo)
9	Các phương châm hội thoại Các phương châm hội thoại (tiếp theo) Các phương châm hội thoại (tiếp theo) Xung hô trong hội thoại	Nghĩa tường minh và hàm ý Nghĩa tường minh và hàm ý (tiếp theo)

**Bảng 2.** Chương trình phần Ngữ dụng học bậc THPT

Học kì/ Lớp	I	II
10	Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếp theo)	
11	Ngữ cảnh	
12		Nhân vật giao tiếp Thực hành về hàm ý Thực hành về hàm ý (tiếp theo)

So sánh nội dung Ngữ dụng học trong chương trình ở trường trung học với các nội dung cốt lõi của Ngữ dụng học cho thấy có hai nội dung không được đề cập: chiếu vật và chỉ xuất, lí thuyết lập luận. Ngoài ra, ba nội dung trong Ngữ dụng học vốn không được tách thành đề mục riêng, nhưng chúng lại được tổ chức thành các bài học riêng ở chương trình trung học: (1) xung hô trong hội thoại, (2) ngữ cảnh, (3) nhân vật giao tiếp.

#### b) Cấu trúc của chương trình

Chương trình Ngữ dụng học THCS được cấu trúc theo kiểu đường thẳng, bố trí các nội dung dạy học từ đơn giản đến phức tạp. Cụ thể, các nội dung học tập được sắp xếp như sau: *Hành động nói* -> *Hội thoại* -> *Nghĩa tường minh và hàm ý*. Cách sắp xếp các nội dung học tập như vậy là đi từ Ngữ dụng học vi mô đến Ngữ dụng học vĩ mô.

Chương trình Ngữ dụng học THPT cấu trúc theo kiểu diễn dịch, đi từ chung đến riêng, từ khái quát đến cụ thể. Cụ thể các nội dung học tập được bố trí như sau: *Khái quát về hoạt động giao tiếp* -> *Ngữ cảnh* -> *Nhân vật giao tiếp*.

Cấu trúc chung của chương trình Ngữ dụng học ở trường trung học là đi từ các yếu tố ngôn ngữ như *Hành động nói*, *Hội thoại*, *Nghĩa tường minh và hàm ý* đến các yếu tố bên ngoài ngôn ngữ như *Ngữ cảnh*, *Nhân vật giao tiếp*.

Riêng bài *Thực hành về hàm ý* (lớp 12, học kì II) là bài học đồng tâm với chương trình Ngữ dụng học THCS.

#### 2.1.2. Sách giáo khoa

##### a) Cấu trúc của bài học

Cấu trúc chung của bài học phần Ngữ dụng học trong SGK Ngữ văn THCS gồm có ba phần: (1) Phân tích ngữ liệu, (2) Ghi nhớ, (3) Luyện tập. Cách cấu trúc bài học này là cách cấu trúc đi từ thực tiễn tới lí thuyết và từ lí thuyết trở lại vận dụng vào thực tiễn. Hay nói cách khác, cấu trúc bài học này được xây dựng dựa trên hai nguyên lí: (1) Lí thuyết rút ra từ thực tiễn, và (2) Lí thuyết hướng dẫn thực hành, tức là đi theo quy trình quy nạp - thực hành. Nếu nội dung bài học có nhiều ý thì bài học sẽ phân các ý thành các tiểu mục, và phần Ghi nhớ sẽ xuất hiện một lần cho tất cả các tiểu mục hay xuất hiện riêng lẻ theo từng tiểu mục.

Cấu trúc của bài học phần Ngữ dụng học trong SGK Ngữ văn THPT gồm 4 phần: (1) Kết quả cần đạt, (2) Phân tích ngữ liệu, (3) Ghi nhớ, (4) Luyện tập. So với SGK Ngữ văn THCS, thì SGK Ngữ văn THPT chỉ thêm phần đầu, có tính chất định hướng dạy-học: phần *Kết quả cần đạt*.

*b) Lí thuyết*

Lí thuyết phần Ngữ dụng học trong SGK Ngữ văn Trung học chủ yếu được trình bày ngắn gọn, súc tích trong phần Ghi nhớ.

*c) Hệ thống bài tập*

Tương ứng với lí thuyết là hệ thống bài tập. SGK Ngữ văn Trung học phần Ngữ dụng học sử dụng 6 loại bài tập sau (chỉ tính bài tập xuất hiện trong luyện tập): bài tập nhận diện (ND), bài tập trắc nghiệm (TN), bài tập phân tích (PT), bài tập điền khuyết (ĐK), bài tập tạo lập (TL), bài tập hỗn hợp (HH).

Sự phân bố, tần số xuất hiện và tỉ lệ của các loại bài tập đó trong 9 nội dung của phần Ngữ dụng học ở trường trung học được thể hiện ở Bảng 3 sau đây:

**Bảng 3.** Các loại bài tập được sử dụng trong SGK Ngữ văn trung học (phần Ngữ dụng học)

STT	Bài học	Loại bài tập						SL
		ND	PT	TN	ĐK	TL	HH	
1	Hành động nói	2	4	2	0	0	0	8
2	Hội thoại	1	5	0	0	0	1	7
3	Các phương châm hội thoại	0	7	0	2	0	3	12
4	Xung hô trong hội thoại	0	6	0	0	0	0	6
5	Nghĩa tường minh và hàm ý	0	7	0	1	0	1	9
6	Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ	0	4	0	0	1	0	5
7	Ngữ cảnh	1	4	0	0	0	0	5
8	Nhân vật giao tiếp	0	3	0	0	0	0	3
9	Thực hành về hàm ý	1	5	0	0	0	3	9
<b>Tổng</b>		5	45	2	3	1	8	64
<b>Tỉ lệ (%)</b>		<b>7,81%</b>	<b>70,31%</b>	<b>3,13%</b>	<b>4,69%</b>	<b>1,56%</b>	<b>12,50%</b>	<b>100,00%</b>

## d) Ngữ liệu

SGK Ngữ văn trung học (phần Ngữ dụng học) sử dụng ngữ liệu để quy nạp lí thuyết, hoặc dùng để thiết kế bài tập thực hành. Ngữ liệu đó gồm 4 loại như sau:

- Ngữ liệu trích dẫn từ tác phẩm văn chương (truyện, tiểu thuyết, thơ);
- Ngữ liệu lấy từ tác phẩm chính luận;
- Ngữ liệu lấy từ ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày (khẩu ngữ);
- Ngữ liệu loại khác (thư, văn bản khoa học, thành ngữ, tục ngữ).

Sự phân bố, tần số xuất hiện và tỉ lệ của các loại ngữ liệu đó trong 9 nội dung học tập của phần Ngữ dụng học được thể hiện ở Bảng 4 sau đây:

**Bảng 4. Các loại ngữ liệu được sử dụng trong SGK Ngữ văn trung học (phần Ngữ dụng học)**

STT	Bài học	Loại ngữ liệu				Số lượng
		Văn chương	Chính luận	Khẩu ngữ	Loại khác	
1	Hành động nói	7	4	2	0	13
2	Hội thoại	6	0	0	0	6
3	Các phương châm hội thoại	7	0	2	9	18
4	Xung hô trong hội thoại	6	0	0	1	7
5	Nghĩa tường minh và hàm ý	11	0	1	0	12
6	Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ	4	0	0	2	6
7	Ngữ cảnh	6	0	2	0	8
8	Nhân vật giao tiếp	5	0	0	0	5
9	Thực hành về hàm ý	6	0	1	0	7
<b>Tổng</b>		58	4	8	12	82
<b>Tỉ lệ (%)</b>		70,73%	4,88%	9,76%	14,63%	100,00%

## 2.2. Ưu và nhược điểm của chương trình và SGK phần Ngữ dụng học trong trường trung học hiện nay

### 2.2.1. Ưu điểm

#### a) Chương trình có nội dung và cấu trúc khá hợp lí

Như đã trình bày ở mục 2.1.1, nội dung của chương trình phần Ngữ dụng học ở trường trung học hiện nay gồm 9 chủ điểm: (1) Hành động nói, (2) Hội thoại, (3) Các phương châm

hội thoại, (4) Xung hô trong hội thoại, (5) Nghĩa tường minh và hàm ý, (6) Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, (7) Ngữ cảnh, (8) Nhân vật giao tiếp, (9) Thực hành về hàm ý. Đây đều là những nội dung cơ bản, phổ thông, thiết thực với hoạt động giao tiếp của học sinh, được các tác giả biên soạn chương trình chọn ra từ những kết quả nghiên cứu về Ngữ dụng học hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. Những nội dung này đã tạo nên sự đổi mới trong việc dạy tiếng ở nhà trường, có tác dụng phát triển các “năng lực sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống xã hội cụ thể” (Wales, 2011, p.335) cho học sinh. Những thay đổi mới mẻ và cần thiết về nội dung dạy học này cần được thừa nhận và duy trì trong chương trình sắp tới. Ngoài ra, xuất phát từ thực tiễn tiếng Việt, SGK hiện hành có thêm bài “Xung hô trong hội thoại” với lí do được trình bày như sau: “Sự phong phú, tinh tế, giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống các phương tiện xung hô là một đặc điểm nổi bật của tiếng Việt... Vì vậy, kiến thức về xung hô và kĩ năng sử dụng những phương tiện xung hô hợp thành một phần quan trọng trong nội dung giáo dục ngôn ngữ của nhà trường ở Việt Nam và một số quốc gia khác” (Literature 9, Vol.1 (Teacher Textbook), p.39). Quan điểm xây dựng chương trình và thiết kế bài học như vừa nêu của các tác giả SGK là một quan điểm đúng đắn.

Về cấu trúc chương trình, như đã phân tích trong mục 2.1.2, cấu trúc chương trình phần Ngữ dụng học THCS là cấu trúc từ thấp đến cao; cấu trúc của chương trình phần Ngữ dụng học THPT là cấu trúc từ khái quát đến cụ thể; còn cấu trúc chung chương trình phần Ngữ dụng học trung học là đi từ trong ra ngoài, tức là đi từ các yếu tố cấu trúc bên trong của hoạt động giao tiếp đến các yếu tố bên ngoài. Nhìn chung, theo chúng tôi, các kiểu cấu trúc này phù hợp với từng cấp học và cho cả bậc trung học. Chương trình Ngữ dụng học ở trường trung học hiện nay không thể được cấu trúc theo đường thẳng, đi từ thấp đến cao cho toàn bậc học. Nếu chương trình được cấu trúc theo đường thẳng thì không đảm bảo rèn luyện kĩ năng giao tiếp (mang tính tổng thể) cho học sinh. Mặt khác, chương trình Ngữ dụng học ở trường trung học cũng không thể cấu trúc theo kiểu đồng tâm giữa THPT với THCS, vì như vậy sẽ làm cho chương trình nặng nề. Do đó, việc xây dựng cấu trúc chương trình Ngữ dụng học như hiện nay là một cách làm có tính khả thi hơn cả.

*b) Kiến thức vừa sức, bảo đảm tính hệ thống, tính thực tiễn*

Với nội dung chương trình như trên, các nội dung Ngữ dụng học trong SGK ở trường trung học được biên soạn thành những bài học có nội dung kiến thức vừa sức với học sinh, bảo đảm tính hệ thống, tính thực tiễn. SGK Ngữ văn trung học hiện hành không sa đà vào lí thuyết, không giải thích, diễn giải dài dòng về các khái niệm và chọn giải pháp đơn giản khi thể hiện những nội dung phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau. Bài học mới trong phần Ngữ dụng học ở trường trung học đều có sự liên hệ với chương trình lớp dưới hoặc bài học trước hoặc đặt trong sự gắn bó với nhận thức đời thường của người học, đặc biệt thông qua nhận thức, tư duy logic của học sinh trong thực tiễn giao tiếp. Nội dung của các bài học Ngữ dụng học ở SGK Ngữ văn hiện hành đều được xây dựng dựa trên mục tiêu giúp cho học sinh biết vận dụng những kiến thức để sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Chẳng hạn, sách Ngữ

văn lớp 9, tập 1 có nội dung về Ngữ dụng học là Các phương châm hội thoại, nội dung này được phân bổ thành ba bài học, ở bài học đầu tiên (Các phương châm hội thoại, trang 6-11) các nhà biên soạn đã xác định rõ mục tiêu cần đạt của bài học là “Giúp HS biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp” (trang 6) và mục tiêu này được thể hiện rõ ở phần Luyện tập của bài học này (trang 8-11). Cụ thể, phần Luyện tập của bài này có câu 1 (trang 10) là dạng bài tập vận dụng sự hiểu biết về phương châm về lượng để phân tích lỗi câu như lặp từ ngữ, thừa từ ngữ. Mặc dù các câu được đưa ra không có ngữ cảnh giao tiếp của một cuộc hội thoại nhưng đều là các câu có lỗi và bài tập nhằm rèn luyện kỹ năng diễn đạt cho học sinh. Tương tự, bài học Các phương châm hội thoại (tiếp theo) (trang 22-24) có bài tập vận dụng phương châm lịch sự để giải thích các trường hợp người nói sử dụng các cách mở đầu câu nói như “nhân tiện đây xin hỏi”, “cực chẳng đã tôi phải nói”, “tôi nói điều này có gì không phải anh bỏ qua cho”... (câu 4, Luyện tập). Tiếp theo, SGK Ngữ văn 12, tập 2 có nội dung về Ngữ dụng học gồm các bài như: Nhân vật giao tiếp, Thực hành về hàm ý và Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, trong đó, bài Thực hành về hàm ý cũng được các nhà biên soạn xác định rõ kết quả cần đạt của bài học là giúp học sinh “có kỹ năng lĩnh hội được hàm ý, kỹ năng nói, viết câu có hàm ý trong ngữ cảnh cần thiết” (trang 79). Bài học này có bài tập phân tích câu nói của nhân vật (trong đoạn trích cho sẵn) trên cơ sở ngữ cảnh, nghĩa tường minh của câu để suy ra hàm ý của câu nói (SGK Ngữ văn 12, tập 2, trang 79, Thực hành về hàm ý). Từ đó, bài tập giúp học sinh biết cách thức để tạo câu có hàm ý, cũng như giúp học sinh nhận biết và hiểu các câu có hàm ý. Như vậy, chúng ta thấy kiến thức Ngữ dụng học trong SGK Ngữ văn trung học luôn gắn lí thuyết với hoạt động thực tiễn.

### 2.2.2. Nhược điểm

Vì chương trình và SGK phổ thông sắp thay mới, hơn nữa vì dung lượng bài viết có hạn, nên trong phần này chúng tôi bỏ qua những nhược điểm có tính chất tiểu tiết như các lỗi về dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt... chỉ đi vào những nhược điểm mang tính tổng thể, có tính chất toàn cục.

#### a) Chương trình chưa cân đối giữa bậc THCS và THPT

Tuy cấu trúc chương trình phần Ngữ dụng học ở trường trung học hiện nay khá hợp lí, nhưng trọng tâm của nó tập trung ở bậc THCS (lớp 8 và lớp 9, gồm 5 chủ điểm/9 chủ điểm dạy học, 10 tiết /16 tiết học của chương trình). Phần Ngữ dụng học ở THPT thực sự chỉ chiếm 3 chủ điểm/9 chủ điểm dạy học (vì bài Thực hành hàm ý là đồng tâm với nội dung đã học ở lớp 9), và có 6 tiết/16 tiết học. Theo chúng tôi, sự phân bố chương trình như vậy là chưa cân đối. Nguyên nhân có thể do một số nội dung Ngữ dụng học chưa được khai thác để đưa vào chương trình như Chiếu vật và chỉ xuất, Lí thuyết lập luận và một số nội dung giúp phát triển nhận thức và năng lực giao tiếp của học sinh như Chiến lược giao tiếp, Sự khác biệt về văn hóa giao tiếp giữa các dân tộc... cũng chưa được khai thác.



*b) Bài tập nặng về tính phân tích, giải thích*

Bảng 3 cho thấy, việc phân bố các loại bài tập trong SGK Ngữ văn trung học (phần Ngữ dụng học) chưa hợp lí. Loại bài tập phân tích (giải thích) chiếm tỉ lệ 70,3%, còn loại bài tập tạo lập (bài tập yêu cầu học sinh nói, viết câu, đoạn văn, văn bản ngắn) chỉ chiếm tỉ lệ 1,5%. Hệ thống bài tập như vậy nặng về lí thuyết. Nhìn chung, hệ thống bài tập Ngữ dụng học trong SGK Ngữ văn ở trường trung học hiện nay còn nặng tư duy của người dạy văn, cảm thụ văn, chưa tập trung vào việc phát triển các kĩ năng nói viết cho học sinh (tức là kĩ năng tạo ra sản phẩm ngôn ngữ, không phải kĩ năng phân tích, lí giải sản phẩm ngôn ngữ). Chẳng hạn bài tập số 2, SGK Ngữ văn 8, tập 2, trang 103-106 yêu cầu học sinh phân tích một ngữ liệu văn chương trích từ tiểu thuyết “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố dài 4 trang SGK. Theo chúng tôi, dạy tiếng Việt như vậy còn thiên về dạy Văn. Thay vì tập trung vào phân tích văn chương, bài tập thực hành Ngữ dụng học nên đa dạng hóa các loại bài tập, đưa thêm vào các bài tập nói và viết theo ngữ cảnh.

*c) Ngữ liệu mang tính sách vở*

Vấn đề thứ hai là SGK hiện hành sử dụng quá nhiều ngữ liệu văn chương để dạy học phần Ngữ dụng học. Số liệu thống kê trong Bảng 4 cho thấy SGK Ngữ văn trung học hiện hành sử dụng tới 70,7% là ngữ liệu văn chương (phần lớn ngữ liệu này phản ánh thực tiễn giao tiếp của người Việt những năm đầu thế kỉ XX), trong khi đó ngữ liệu ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày là 9,7%. Một ví dụ khá điển hình cho việc tổ chức các tình huống thực hành dựa trên định hướng ngữ liệu văn chương (không phải dựa vào tình huống thực tiễn) là bài tập số 1, SGK Ngữ văn 10, tập 1, trang 20. Bài tập này lấy câu ca dao: “Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:- Tre non đủ lá đan sàng hay chưa?” rồi yêu cầu học sinh xác định nhân vật giao tiếp (lứa tuổi, giới tính), bối cảnh giao tiếp, nội dung, mục đích giao tiếp, cách thức giao tiếp. Tình huống giao tiếp trong bài tập này là *tình huống giao tiếp hư cấu*, trong cuộc sống thực tế hiện nay không có chàng trai nào tỏ tình bằng cách nói như vậy. Thiết nghĩ, những bài tập mang tính sách vở, ít giá trị thực tiễn như thế cần phải lược bỏ.

Theo chúng tôi, ngữ liệu dùng cho dạy học Ngữ dụng học nói riêng và dạy học phần Tiếng Việt nói chung trong SGK Ngữ văn trung học cần phải có tính chất độc lập tương đối với phần Văn vì một số mục tiêu đặc trưng của nó mà ngữ liệu văn chương không thể đáp ứng được.

*d) SGK chưa tạo được sự đột phá về phương pháp dạy học*

So với sách cũ, phần nội dung Ngữ dụng học trong SGK Ngữ văn trung học hiện nay là mới, nhưng cách tổ chức dạy học vẫn là cũ. Đường hướng chính của cách tổ chức dạy học này (tức cấu trúc bài học) là quy trình quy nạp - thực hành, lấy *xuất phát điểm là ngữ liệu*. Đây là kiểu dạy học truyền thống đã được áp dụng trong những lần thay sách trước đây. SGK hiện hành có cấu trúc bài học chưa thực sự phong phú, đa dạng, đặc biệt là chưa nổi bật được *xuất phát điểm là tình huống giao tiếp thực tiễn*. Vì vậy, từ góc độ nào đó, có thể nói, SGK hiện hành dù đã thay đổi nhưng chưa có đột phá về phương pháp dạy học.

### 2.3. Đề xuất

Chương trình SGK Ngữ văn hiện hành cần bổ sung một số nội dung dạy học Ngữ dụng học mang tính thiết thực, có nhiều ứng dụng thực tiễn như *Chiến lược giao tiếp, Sự khác biệt về văn hóa giao tiếp giữa các dân tộc...* giúp phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Việc làm này cũng là hướng tới cách tiếp cận Ngữ dụng học hiểu theo nghĩa rộng.

Song song đó, thay vì phân tích các ngữ liệu có sẵn, SGK cần bổ sung các bài tập yêu cầu học sinh nói và viết theo tình huống giao tiếp. Chẳng hạn, SGK có thể xây dựng các bài tập thực hành biên tập, biên kịch và thực hành diễn kịch, tập giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn trên lớp, hoặc xây dựng bài tập thực hành dẫn chương trình cho các hoạt động như sinh hoạt tập thể của lớp, trò chơi tập thể... nhằm phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng ứng xử trong giao tiếp.

### 3. Kết luận

Bài viết phân tích phần Ngữ dụng học trong SGK ở trường trung học hiện nay ở các mặt nội dung, cấu trúc, tính đáp ứng của chương trình, đồng thời chỉ ra những ưu điểm: Chương trình có nội dung và cấu trúc khá hợp lý; kiến thức vừa sức, bảo đảm tính hệ thống, tính thực tiễn... Tuy nhiên, chương trình còn có những điểm cần xem xét là: Chương trình chưa cân đối giữa bậc THCS và THPT; bài tập nặng về tính phân tích, giải thích; ngữ liệu mang tính sách vở; SGK chưa tạo được sự đột phá về phương pháp dạy học. Để chương trình Ngữ dụng học ở trường trung học thực sự có những đổi mới về nội dung và đột phá về phương pháp dạy học, chúng ta cần có những cải tiến về ngữ liệu, cấu trúc bài học, hệ thống bài tập, nội dung kiến thức... sao cho phần nội dung chương trình này giữ đúng đặc trưng của nó, đó là khoa học về việc sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh và phục vụ tốt nhất cho việc phát triển các kỹ năng giao tiếp thực tiễn của học sinh.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brown, K. (ed.) (2006). *Encyclopedia of language and linguistics*. pdf. New York: Elsevie.
- Do, H. C. (2005). *Do Huu Chau tuyen tap, tap 2, Dai cuong, Ngu dung, Ngu phap van ban [Do Huu Chau collection, Vol.2, General, Pragmatics, Text Grammar]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Mey, J. L. (2006). "Pragmatics: Overview" in Brown, K. ed. (2006). *Encyclopedia of language and linguistics*. pdf. New York: Elsevie, p. 8339-8349.
- Nguyen, T. G. (2000). *Dung hoc Viet ngu [Vietnamese Pragmatics]*. Hanoi: Vietnam National University Publishing House.
- Nguyen, K. P. (Chief Editor) (2004). *Sach giao khoa Ngu van 8, tap 2 [Literature 8, Vol.2 (Textbook)]*. Hanoi: Education Publishing House.

- Nguyen, K. P. (Chief Editor) (2005). *Sach giao khoa Ngu van 9, tap 2 [Literature 9, Vol.1 & 2 (Textbook)]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Nerlich, B. (2006). “Pragmatics: History” in Brown, K. ed. (2006). *Encyclopedia of language and linguistics [“Ngu dung hoc: Lich su”]; In trong Bach khoa Ngon ngu va Ngon ngu hoc*. pdf. New York: Elsevie, 8321-8329.
- Phan, T. L. (Chief Editor) (2007). *Sach giao khoa Ngu van 11, tap 1 [Literature 11, Vol.1 (Textbook)]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Phan, T. L. (Chief Editor) (2010). *Sach giao vien Ngu van 12, tap 2 [Literature 12, Vol.2 (Teacher Textbook)]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Phan, T. L. (Chief Editor) (2019). *Sach giao vien Ngu van 10, tap 1 [Literature 10, Vol.1 (Teacher Textbook)]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Wales, K. (2011). *A Dictionary of Stylistics (Third edition)*. London & New York: Routledge.

---

## DISCUSSIONS ABOUT THE PRAGMATICS CURRICULUM AND TEXTBOOK IN HIGH SCHOOLS

**Phan Thanh Bao Tran<sup>1\*</sup>, Phan Thach Son Truc<sup>2</sup>, Huynh Thanh Danh<sup>3</sup>**

<sup>1</sup>University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

<sup>2</sup>Phu Thu Secondary School, Can Tho City, Vietnam

<sup>3</sup>Tay Do University, Can Tho City, Vietnam

\*Corresponding author: Phan Thanh Bao Tran – Email: baotrannh83@gmail.com

Received: March 22, 2021; Revised: April 06, 2021; Accepted: May 17, 2021

### ABSTRACT

*This article analyzes the content, structure and appropriateness of the pragmatic aspect in the current curriculum to develop students' language competence. After briefly describing the current status of the curriculum and the textbook of the current middle and high schools, the article thoroughly analyzes its disadvantages (imbalanced between middle and high school, heavy exercises on analytical and explanatory properties, too theoretical linguistic materials, textbooks with limited breakthrough for teaching methods) and proposes some points to adjust, supplement and improve the curriculum. The review and evaluation in the article also show that teachers need to choose appropriate teaching methods so that the Vietnamese language and literature will not be taught separately as they are currently.*

**Keywords:** program; pragmatics; pragmatics in secondary and high school education; textbooks